TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1542/2020/DS-ST
Ngày: 21/9/2020
V/v tranh chấp thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà **Mai Thị Mỹ Tiên**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Hồ Thị Diệu Hà**

2. Ông **Nguyễn Thành Thông**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **An Phương Trang**, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Hoàng Anh Nga**- Kiểm sát viên.

Ngày 21/9/2020, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 564/2010/TLST-DS ngày 08/12/2010 về việc "Tranh chấp thừa kế".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3944/2020/QĐ-ST ngày 03/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 9538/2020/QĐ-ST ngày 27/8/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trương Thị Ngọc D**, sinh năm 1960 (có mặt)
Địa chỉ: 22/1/12 đường NVS, phường TSN, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Trương Anh T**, sinh năm 1950 (vắng mặt)
Địa chỉ: 28/24 đường ĐQĐ, phường PNL, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà TXL, sinh năm 1940
Địa chỉ: 47 KSt P SA 5013, Australia.

2. Bà TTQN, sinh năm 1942
Địa chỉ: 1848 WN CA 91766, USA.

3. Ông TTL, sinh năm 1945
4. Bà TTNT, sinh năm 1981
5. Bà TTNT1, sinh năm 1984
6. Bà TTT, sinh năm 1989
Địa chỉ: 22/1/12 NVS, phường TSN, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Bà TTBB, sinh năm 1955
Địa chỉ: ấp ML, xã MTĐ, huyện CL, tỉnh TG.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Trương Thị Ngọc D, sinh năm 1960 (có mặt)

8. Ông TVĐ, sinh năm 1943 (vắng mặt)
Địa chỉ: 1896 BT St. R V 20190, USA.

9. Ông TAD (chết năm 2013)
Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Dũng:
- Bà BKX, sinh năm 1971 (xin vắng)
- Bà TNHP, sinh năm 1996 (xin vắng)
Địa chỉ: 5A đường LCK, phường NTB, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Bà NTĐ, sinh năm 1953 (vắng mặt)
11. Ông TAT, sinh năm 1978 (vắng mặt)
12. Ông TAV, sinh năm 1976 (vắng mặt)
13. Ông TNAD, sinh năm 2005 (vắng mặt)
14. Bà TNAD, sinh năm 2011 (vắng mặt)
15. Bà TNAD, sinh năm 1978 (vắng mặt)
Địa chỉ: 28/24 đường ĐQĐ, phường PNL, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG

Nguyên đơn bà Trương Thị Ngọc D trình bày:

Nguồn gốc nhà đất số 28/24 Đường ĐQĐ, phường PNL, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh là của ông Trương Văn N (chết năm 1986) và bà Huỳnh Thị D (chết năm 2004). Ông N và bà D có tất cả 08 người con, gồm:

1. Bà TXL, sinh năm 1940
2. Bà TTNQ, sinh năm 1942
3. Ông TVĐ, sinh năm 1943
4. Ông TTL, sinh năm 1945
5. Ông Trương Anh T, sinh năm 1950
6. Bà Trương Thị Ngọc D, sinh năm 1960
7. Ông TCC (chết năm 1990)
Những người thừa kế:
- Bà TTBB, sinh năm 1955

- Bà TTNT, sinh năm 1981
- Bà TTNT1, sinh năm 1984
- Bà TTT, sinh năm 1989

8. Ông TAD (chết năm 2013)

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng:

- Bà BKX, sinh năm 1971
- Bà TNHP, sinh năm 1996

Sau khi ông N và bà D chết, các anh chị em đã tiến hành kê khai di sản thừa kế đối với nhà đất trên và đã được Ủy ban nhân dân Quận A cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1919/2009/UB-GCN ngày 26/10/2009, do bà Trương Thị Ngọc D đại diện các đồng thừa kế đứng tên. Hiện nay toàn bộ bản chính giấy tờ nhà do bà D đang giữ, còn bị đơn ông Trương Anh T là người quản lý, sử dụng trực tiếp nhà đất này.

Do bị đơn không đồng ý bán nhà đất để chia thừa kế theo quy định pháp luật, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chia thừa kế nhà đất trên thành 08 phần bằng nhau cho các anh chị em, nguyên đơn yêu cầu được hưởng 1/8 giá trị nhà đất tranh chấp.

Đối với việc con của bị đơn đã bỏ ra số tiền 80.000.000 đồng để sửa chữa căn nhà, nguyên đơn tự nguyện hoàn lại số tiền này cho bị đơn, số tiền này trừ vào tài sản thừa kế trước khi chia.

Tại bản tự khai ngày 03/4/2011, bị đơn ông Trương Anh T trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về nguồn gốc nhà đất và hàng thừa kế của ông N, bà D.

Hiện nhà đất số 28/24 Đường ĐQĐ, phường PNL, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh do ông đang quản lý, sử dụng; sinh sống tại căn nhà này còn có vợ, con và cháu của ông cùng sinh sống, gồm:

1. Bà NTĐ, sinh năm 1953
2. Ông TAT, sinh năm 1978
3. Ông TAV, sinh năm 1976
4. Ông TNAD, sinh năm 2005
5. Bà TNAD, sinh năm 2011
6. Bà TNAD, sinh năm 1978

Bị đơn đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng đề nghị phải có đầy đủ ý kiến của các đồng thừa kế khác. Ngoài ra trong quá trình sinh sống, con ông là TAV và TAT có bỏ ra số tiền khoảng 80.000.000 đồng để sửa chữa nhà chống dột, nâng nền (có giấy phép). Ông đề nghị Tòa án giải quyết với số tiền này trước khi chia thừa kế, nhưng đến nay vẫn chưa nộp

tài liệu, chứng cứ, ông T và các con thường xuyên không đến Tòa theo giấy triệu tập.

Tòa án đã thực hiện việc tống đạt, niêm yết thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử để ông T thực hiện quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng. Tuy nhiên đến nay ông T không có mặt cũng như không có ý kiến phản hồi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã ủy quyền cho bà Trương Thị Ngọc D đại diện: cùng thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đồng ý hoàn trả lại ông T chi phí sửa chữa nhà 80.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông TVĐ (có ủy quyền cho ông TAD) cũng thống nhất với toàn bộ lời khai và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì đang ở Mỹ và tuổi cao, sức khỏe yếu nên ông không thể tham gia tố tụng tại Tòa án và ông ủy quyền cho ông TAD thay ông tham gia tố tụng trong vụ án này. Tuy nhiên, đến năm 2013 ông TAD chết, nên việc ủy quyền này chấm dứt, do đó Tòa án đã triệu tập ông Đăng tiếp tục tham gia tố tụng thông qua việc thực hiện ủy thác tư pháp đối với ông Đăng theo quy định của pháp luật. Tòa đã thông báo cho ông biết lịch xét xử để ông thực hiện quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng. Tuy nhiên đến nay ông Đăng không có mặt cũng như không có ý kiến phản hồi.

Bà BTX và bà TNHP là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông TAD trình bày:

Ông, bà thống nhất với trình bày của ông TAD khi còn sống: đồng ý chia thừa kế đối với nhà đất số 28/24 Đường ĐQĐ, phường PNL, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định pháp luật. Ông, bà xin được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, hòa giải và xét xử của Tòa án các cấp.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn (do nguyên đơn làm đại diện ủy quyền) giữ nguyên ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và các thành viên Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia thừa kế theo pháp luật đối với nhà đất số 28/24 Đường ĐQĐ, Phường PNL, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cho 08 người con của ông Trương Văn N và bà Huỳnh Thị D, mỗi người được hưởng 1/8 giá trị nhà đất. Không ai có yêu cầu sở hữu nhà đất, nên giao cơ quan Thi hành án đấu giá, phát mãi nhà đất để thi hành án.

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của đương sự, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chia thừa kế đối với căn nhà số 28/24 Đường ĐQĐ, Phường PNL, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, trong tranh chấp này có đương sự là người nước ngoài, nên yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 5 Điều 26; Khoản 3 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có ông TVĐ có quốc tịch Việt Nam, đang định cư tại Hoa Kỳ, nên căn cứ Điều 474; Khoản 4 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục Ủy thác tư pháp và việc đưa vụ án ra xét xử hôm nay là hợp lệ.

Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, dù đã được triệu tập hợp lệ, Hội đồng xét xử căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1919/2009/UB-GCN ngày 26/10/2009, có cơ sở xác định nhà đất số 28/24 Đường ĐQĐ, Phường PNL, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của ông N và bà D. Mặc dù ông N (chết năm 1986), bà D chết (năm 2004). Đến năm 2009, nguyên đơn là người đại diện các đồng thừa kế đứng tên Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở. Lời khai của các đương sự trong vụ án đều thống nhất với nhau và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác. Như vậy, rõ ràng nhà đất số 28/24 Đường ĐQĐ, Phường PNL, Quận A là di sản thừa kế của ông N và bà D. Năm 2010, do không tự thỏa thuận phân chia được, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo quy định của pháp luật, yêu cầu này hoàn toàn hợp pháp, có căn cứ và còn trong thời hiệu khởi kiện, nên được chấp nhận.

Xét các bên tranh chấp thừa kế, mặc dù vụ án đã được thụ lý vào năm 2010, nhưng có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, nên áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án (Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015).

Do ông N, bà D khi chết không có di chúc, cha mẹ ông N, bà D không còn sống, nên căn cứ các Điều 649, 650 Bộ luật dân sự năm 2015, di sản của ông, bà là nhà đất số 28/24 Đường ĐQĐ, Phường PNL, Quận A sẽ được chia cho hàng thừa kế thứ 1, gồm 08 người con: Bà TXL, TTNQ, ông TVĐ, ông TTL, ông Trương Anh T, bà Trương Thị Ngọc D, ông TCC và ông TAD. Do ông Cẩn chết trước bà D, các con ông Cẩn (bà TTNT, bà TTNT1, bà TTT) được hưởng thừa kế thế vị (Điều 652) và ông Dũng đã chết sau bà D, nên vợ và con của ông (bà BKX, bà TNHP) sẽ hưởng thừa kế chuyển tiếp đối với suất thừa kế mà đáng lẽ ông được hưởng nếu còn sống (Điều 651).

Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1919/2009/UB-GCN ngày 26/10/2009, nhà đất số 28/24 Đường ĐQĐ, Phường PNL, Quận A có diện tích đất 37,9m^2, diện tích nhà 82,8m^2. Theo kết quả thẩm định giá do Công ty Cổ phần Giám định Ngân Hà lập ngày 06/11/2019, nhà đất này có tổng giá trị là 8.052.000.000 đồng. Theo quy định của pháp luật, các đồng thừa kế của ông N, bà D mỗi người sẽ được hưởng suất thừa kế như nhau bằng 1/8 giá trị nhà đất, tương đương 1.006.500.000 (Một tỷ, không trăm lẻ sáu triệu, năm trăm nghìn) đồng.

Do diện tích nhà đất nhỏ, không thể chia di sản bằng hiện vật; các đồng thừa kế không có ai đủ khả năng thanh toán giá trị cho các thừa kế khác để nhận căn nhà, nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn về việc giao nhà đất cho cơ quan Thi hành án có thẩm quyền đấu giá, phát mãi theo quy định của pháp luật. Sau khi trừ các chí phí, giá trị di sản còn lại được chia đều cho các thừa kế theo tỷ lệ 1/8 như trên.

Đối với chi phí sữa chữa nhà 80.000.000 đồng, mặc dù bị đơn không nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh, nhưng nguyên đơn và các thừa đồng thừa kế khác tự nguyện hoàn trả; ngoài ra tại phiên tòa, nguyên đơn và các đồng thừa kế khác còn tự nguyện hỗ trợ thêm cho bị đơn số tiền 120.000.000 đồng, tổng cộng là 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng, số tiền này sẽ được trừ vào giá trị di sản trước khi chia thừa kế, căn cứ Điều 658 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Xét yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Các ông, bà: Trương Thị Ngọc D, TXL, TTNQ, TVĐ, TTL, Trương Anh T được miễn vì là người cao tuổi. Riêng bà D khi khởi kiện đã nộp tạm ứng án phí nên sẽ được hoàn lại.

Bà TTNT, TTNT1, TTT cùng chịu án phí trên số tiền được hưởng, án phí là 42.195.000 đồng;

Bà BKX, bà TNHP cùng chịu án phí là 42.195.000 đồng.

Đối với chi phí ủy thác tư pháp, định giá và thẩm định giá tài sản, nguyên đơn tự nguyện chịu và đã nộp xong.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 5 Điều 26; các Điều 35, 37, 48; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ của luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 613, 614, 649, 650, 651, 652, 658, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Người cao tuổi năm 2016;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án và Mức thu án phí, lệ phí Tòa án có hiệu lực từ ngày 01/7/2009;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trương Thị Ngọc D:

1.1. Xác định di sản của ông Trương Văn N và bà Huỳnh Thị D để lại là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại số 28/24 Đường ĐQĐ, Phường PNL, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1919/2009/UB-GCN ngày 26/10/2009).

1.2. Những người được hưởng di sản kế của ông N, bà D gồm:

Bà Trương Thị Ngọc D, TXL, TTNQ, TVĐ, Trương Anh T, TTL, các con của ông TCC (bà TTNT, TTNT1, TTT), vợ và con ông TAD (bà BKX, bà TNHP).

1.3. Chia thừa kế theo pháp luật cho các ông, bà: Trương Thị Ngọc D, TXL, TTNQ, TVĐ, Trương Anh T, TTL, các con của ông TCC (bà TTNT, TTNT1, TTT), vợ và con ông TAD (bà BKX, bà TNHP), mỗi thừa kế được hưởng 1/8 giá trị nhà đất tại thời điểm thi hành án.

1.4. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn (và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn) hỗ trợ cho bị đơn-ông Trương Anh T số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng.

1.5. Buộc bị đơn và những người thực tế cư trú tại nhà đất số 28/24 Đường ĐQĐ, Phường PNL, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh bàn giao căn nhà cho cơ quan Thi hành án có thẩm quyền thực hiện đấu giá, phát mãi theo quy định của pháp luật. Sau khi trừ các chi phí, giá trị nhà đất còn lại được chia cho các đồng thừa kế theo tỷ lệ 1/8 như trên.

1.6. Buộc nguyên đơn bàn giao bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1919/2009/UB-GCN ngày 26/10/2009) và các giấy tờ nhà có liên quan cho cơ quan Thi hành án để thi hành bản án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trương Thị Ngọc D, ông TXL, bà TTNQ, ông TVĐ, ông TTL, ông Trương Anh T được miễn án phí.

Bà TTNT, TTNT1, TTT cùng chịu 42.195.000 (Bốn mươi hai triệu, một trăm chín mươi lăm nghìn) đồng.

Bà BKX, bà TNHP cùng chịu 42.195.000 (Bốn mươi hai triệu, một trăm chín mươi lăm nghìn) đồng.

Hoàn trả lại cho bà Trương Thị Ngọc D toàn bộ tiền tạm ứng án phí 3.571.428 đồng, theo Biên lai thu số AC/2010/09723 ngày 02/12/2010 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Về chi phí phí tố tụng khác: chi chí ủy thác tư pháp, định giá và thẩm định giá tài sản, nguyên đơn tự nguyện chịu, đã nộp xong.

Các đương sự thi hành án theo các Điều 2, 6, 7, 7a, 7b, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Mai Thị Mỹ Tiên